

Số: 31 /NQ - ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ - TMC ngày 20/4/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Căn cứ Biên bản số 30/BB-ĐHĐCĐ-TMC họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ngày 27/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Quy chế tổ chức Đại hội, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Có quy chế tổ chức Đại hội gửi kèm).

Điều 2. Tán thành Báo cáo thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2020
 - Doanh thu khoáng sản đạt 756,273 tỷ đồng, bằng 100,5 % KH ĐHĐCĐ;
 - Nộp ngân sách đạt 126,96 tỷ đồng, bằng 111,98% KH ĐHĐCĐ;
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 71,952 tỷ đồng, bằng 190,9 % KH ĐHĐCĐ;
 - Tổng Quỹ tiền lương đạt 143,134 tỷ đồng. Tiền lương BQ thực lĩnh 9,96 tr.đ/ng/th;
 - Lao động BQ trong kỳ 1.198 người;
 - Giá trị khối lượng thực hiện Đầu tư xây dựng: 25,2 tỷ đồng, bằng 37,19% KH.
 - Tổng giá trị SCL: 24,464 tỷ đồng, bằng 99,89% kế hoạch năm;
- * Sản phẩm sản xuất
 - Kẽm thỏi 99,95% đạt 12.200 tấn, bằng 101,67% KH năm;
 - Axits sunfuaric 96% đạt 18.085 tấn, bằng 107,78% KH năm;
 - Tinh quặng chì sunfua đạt 3.332 tấn, bằng 92,97% KH năm;
 - Tinh quặng chì ôxít 20% đạt 639 tấn, bằng 33,61% KH năm.

2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2021

- Tổng doanh thu: 920,609 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 160,349 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 125,2 tỷ đồng;
- Tổng quỹ lương sản phẩm: 160,293 tỷ đồng;
- Lao động trong kỳ: 1.319 người;
- Tiền lương BQ: 10,13 tr.đ/người/tháng;
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021: 48%

* Sản phẩm sản xuất

- Kẽm thỏi: 12.000 tấn;
- A xít sunfuaric: 17.600 tấn;
- Tinh quặng chì 50% Pb: 3.499 tấn;
- Tinh quặng chì 20%: 2.600 tấn
- Thiếc thỏi: 85 tấn;
- Tinh quặng đồng: 620 tấn;

Điều 3. Tán thành Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 với tổng giá trị kế hoạch là 53,440 tỷ đồng.

Điều 4. Tán thành Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch năm 2021.

Điều 5. Tán thành Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát Công ty năm 2020, kế hoạch năm 2021.

Điều 6. Tán thành Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AASC.

Điều 7. Tán thành việc phân phối lợi nhuận năm 2020. Chi tiết cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Năm 2020 (VN đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	71.952.254.213
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.710.541.298
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	57.241.712.915
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	7.000.000.000
5	Tổng LN sau thuế chưa phân phối	64.241.712.915
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm nay (bằng tiền)	28%
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức năm nay	50.400.000.000
7.1	Cổ tức đã tạm ứng (5%)	9.000.000.000
7.2	Cổ tức còn lại chi trả lần 2 bằng tiền (23%)	41.400.000.000
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ	8.641.712.915

STT	Nội dung	Năm 2020 (VN đồng)
8.1	Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý	581.168.088
8.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.060.544.827
	- Quỹ khen thưởng (75%)	6.045.408.621
	- Quỹ phúc lợi (25%)	2.015.136.207
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	5.200.000.000

Điều 8. Tán thành Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát Công ty năm 2021 như sau:

TT	Chức danh	Mức lương cơ bản để xác định (Trđ/tháng)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đồng/người/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	36,72	1	20%	7,344	12	88.128.000
2	TV HĐQT	32,64	4	20%	6,528	12	313.344.000
3	Trưởng BKS	32,64	1	20%	6,528	12	78.336.000
4	Ủy viên BKS	29,58	4	20%	5,916	12	283.968.000
	Cộng		10				763.776.000

Điều 9. Tán thành việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Bùi Tiến Hải và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty thay thế đối với ông Trần Văn Long - Giám đốc Công ty.

Điều 10. Tán thành việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Công ty đối với ông Trần Quốc Hậu và bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty thay thế đối với ông Lê Văn Lưỡng.

Điều 11. Thông qua quyết toán đầu tư gói thầu số 1, số 2, số 3 thuộc dự án cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên. ĐHCĐ ủy quyền giao cho HĐQT, Ban điều hành Công ty triển khai quyết toán gói thầu đầu tư theo quy định cụ thể:

1. Gói thầu số 1: Xây dựng các hạng mục cải tạo sản xuất (kể cả chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn):

- Chi phí đầu tư: 61.493.160.125 đồng.
- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 57.046.843.278 đồng.

2. Gói thầu số 2: Thiết bị tiêu chuẩn đồng bộ:

- Chi phí đầu tư: 31.936.530.358 đồng.
- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 29.269.849.172 đồng.

3. Gói thầu số 3: Hệ thống điện chỉnh lưu dự án

- Chi phí đầu tư: 21.682.009.084 đồng.
- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 19.884.506.026 đồng.

Điều 12. Tán thành Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán sau để kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Điều 13. Tán thành việc sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

(Có nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều lệ Công ty gửi kèm)

Điều 14. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký và ban hành Quy chế.

Điều 15. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao Trưởng ban kiểm soát ký và ban hành Quy chế.

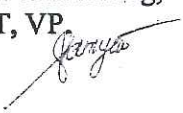
Điều 16. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ 14h00' ngày 27/4/2021.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN; HNX; VSD (để B/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD, Kế toán trưởng;
- Lưu: HĐQT, VP.



TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỊCH HĐQT



Đào Minh Sơn

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, ĐIỀU KIỆN
NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/3/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

1000
IG T
PHÁ
ĐẠI H
NGUY
MICO
NT

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông: (i) nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; (ii) nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội đồng cổ đông không nhận Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội đồng cổ đông, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa đại hội có thể mời 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành Công ty để cùng điều hành Đại hội đồng cổ đông.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

a) Chủ trì, điều khiển Đại hội đồng cổ đông;

b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;



c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 7 Điều 19, Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc Đại hội đồng cổ đông và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước Đại hội đồng cổ đông về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 09 (chín) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm số phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, toàn bộ phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 25/3/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và Đại hội đồng cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.



3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá năm (5) phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết (nội dung giơ thẻ, nội dung bỏ phiếu biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Nếu bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;
- Nếu bằng hình thức phiếu biểu quyết: Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng của nội dung đó trong phiếu biểu quyết.

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Trường hợp phiếu không hợp lệ: (i) Phiếu không do Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico phát hành (không đóng dấu của Công ty) (ii) Phiếu không có chữ ký và không ghi đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền (iii) Phiếu bị tẩy xóa hoặc ghi thêm những nội dung khác không do Chủ tọa đại hội yêu cầu (iv) Phiếu không được đánh dấu bất kỳ một (01) ô nào trong từng một nội dung biểu quyết hoặc đánh dấu nhiều hơn một (01) ô cần lấy ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

a) Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

b) Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được thông qua khi có từ 75% trở lên số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết

1. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội

a) Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông bế mạc.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico bao gồm 04 chương, 17 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này. *Quay*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Minh Sơn

**NHỮNG NỘI DUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 TÁN THÀNH**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021)

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
1	Phần mở đầu Khoản 2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020.	Phần mở đầu - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	Tán thành sửa đổi bổ sung
2	3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2018	3. Điều lệ này sửa đổi bổ sung lần thứ 4 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày tháng năm 2021	Tán thành sửa đổi bổ sung
3	Điều 1 c) " <i>Vốn điều lệ</i> " có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của Công ty được quy định cụ thể tại Điều 5 của Điều lệ này. - Chưa có giải thích từ ngữ " <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> "	Điều 1 c) " <i>Vốn điều lệ</i> " là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty được quy định cụ thể tại Điều 5 của Điều lệ này. - " <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> " là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Tán thành sửa đổi bổ sung
4	Điều 1 d) " <i>Luật Doanh nghiệp</i> " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Điều 1 d) " <i>Luật Doanh nghiệp</i> " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	Tán thành sửa đổi bổ sung
5	Điều 1 h) " <i>Người có liên quan</i> " có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán.	Điều 1 " <i>Người có liên quan</i> " là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
6	Điều 1 i) “Cổ đông” có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.	Điều 1 i) “Cổ đông” là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty.	Tán thành sửa đổi bổ sung
7	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ mẫu phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành có liên quan.	Tán thành sửa đổi bổ sung
8	Khoản 4, Điều 5 a) Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.	Khoản 4 Điều 5 a) Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.	Tán thành sửa đổi bổ sung
9	Khoản 4, Điều 5 b) Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật doanh nghiệp gồm: - Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; - Chào bán ra công chúng; - Chào bán cổ phần riêng lẻ.	Khoản 4 Điều 5 b) Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật Doanh nghiệp gồm: - Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu; - Chào bán cổ phần ra công chúng; - Chào bán cổ phần riêng lẻ.	Tán thành sửa đổi bổ sung
10	Khoản 4, Điều 5 d) Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 122, 123, 124 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.	Khoản 4 Điều 5 d) Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
11	Khoản 4, Điều 5 e) HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại điều 125 Luật doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Khoản 4 Điều 5 e) HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Tán thành sửa đổi bổ sung
12	Khoản 5, Điều 5 5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp.	Khoản 5 Điều 5 5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật doanh nghiệp.	Tán thành sửa đổi bổ sung
13	Khoản 2, Điều 6 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.	Khoản 2 Điều 6 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 của Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp	Tán thành sửa đổi bổ sung
14	Khoản 4, Điều 6. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Khoản 4 Điều 6 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát	Tán thành sửa đổi bổ sung

Handwritten signature

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
		sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
15	<p>Khoản 5, Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông:</p> <p>a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:....</p>	<p>Khoản 5, Điều 6</p> <p>a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:....</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
16	<p>Khoản 1 Điều 8</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Khoản 1 Điều 8</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
17	<p>Khoản 2 Điều 11</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	<p>Khoản 2 Điều 11</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
18	<p>Khoản 2 Điều 11</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 2 Điều 11</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
19	<p>Khoản 2 Điều 11</p> <p>Chưa quy định nội dung này</p>	<p>Khoản 2 Điều 11</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung



STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
		<p>ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	
20	<p>Khoản 3, Điều 11 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (5)% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:...</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 3, Điều 11 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:....</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
21	<p>Khoản 3 Điều 11 d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p>	<p>Khoản 3 Điều 11 d) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
22	<p>Khoản 1, Điều 12 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;</p>	<p>Điều 12 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
23	<p>Khoản 7 Điều 12 Không quy định nội dung này</p>	<p>7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
		và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;	
24	<p>Khoản 1 Điều 13</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Khoản 1 Điều 13</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
25	<p>Khoản 2 Điều 13</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Theo sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p>	<p>Khoản 2 Điều 13</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
26	<p>Khoản 3, Điều 13</p> <p>f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu</p>	<p>Khoản 3 Điều 13</p> <p>f) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.		
27	<p>Khoản 4 Điều 13</p> <p>a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên nêu tại Điểm d, Khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm b, e, f, Khoản 3 của Điều này.</p>	<p>Khoản 4 Điều 13</p> <p>a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên nêu tại Điểm d, Khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm b, e, f, Khoản 3 của Điều này</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
28	<p>Khoản 4 Điều 13</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm e, Khoản 3 của Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 4 Điều 13</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm e, Khoản 3 của Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
29	<p>Khoản 4 Điều 13</p> <p>d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ</p>	<p>Khoản 4 Điều 13</p> <p>d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết ĐHCĐ theo nội dung dự kiến cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	này.	trị, Kiểm soát viên; xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp; các công việc khác phục vụ cuộc họp theo quy định của Điều lệ này.	
30	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Tán thành sửa đổi bổ sung
31	Khoản 1 Điều 14 b) Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh của Công ty	Khoản 1 Điều 14 b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên của Hội đồng quản trị	Không tán thành sửa đổi bổ sung
32	Khoản 2 Điều 14 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; Thông qua, sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	Khoản 2 Điều 14 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ Công ty; Phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	Tán thành sửa đổi bổ sung
	o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;	o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
33	<p>Điều 15 5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:</p> <p>a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;</p> <p>Quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp <i>trên bốn mươi tám</i> giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>Điều 15. 5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:</p> <p>a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;</p> <p>Quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
34	<p>Khoản 7 Điều 15 c) Cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;</p>	<p>Khoản 7 Điều 15 Cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
35	<p>Khoản 8 Điều 15 Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 16, Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền, hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.</p>	<p>Khoản 8 Điều 15. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 14, Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền, hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
36	<p>Điều 16 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều 16 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
37	<p>Khoản 3 Điều 17 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). ...</p>	<p>Khoản 3 Điều 17 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), Ủy ban chứng khoán Nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)...</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
38	<p>Khoản 5 Điều 17 b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên;</p>	<p>Khoản 5 Điều 17 b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
39	<p>Khoản 3 Điều 19 a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt</p>	<p>Khoản 3 Điều 19 a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	<p>hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể làm Chủ tọa đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c) Chủ tọa đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội;</p>	<p>khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c) Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội;</p>	
40	<p>Khoản 4, Điều 20</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.</p>	<p>Điều 20</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
41	<p>Điều 21</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông...</p>	<p>Điều 21</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông...</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
42	<p>Khoản 5 Điều 21</p> <p>e) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm</p>	<p>Khoản 5 Điều 21</p> <p>e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu, người</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	
43	Khoản 8 Điều 21. 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHD cổ đông.	Khoản 8 Điều 21 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như ngợi quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Tán thành sửa đổi bổ sung
44	Khoản 1 Điều 22 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.	Khoản 1 Điều 22 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.	Tán thành sửa đổi bổ sung
45	Điều 23 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội...	Điều 23 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được ngợi quyết hoặc biên bản họp.	Tán thành sửa đổi bổ sung
46	- Điều lệ cũ chưa quy định về việc ứng cử Hội đồng quản trị	Bổ sung thêm 01 nội dung. Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị vào khoản 5 điều 24 của điều lệ Công ty hiện hành Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam	Tán thành sửa đổi bổ sung



STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị</p> <p>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	
47	<p>Khoản 3 Điều 25</p> <p>c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc công ty, Kế toán trưởng Công ty, Chủ tịch Công ty con TNHH MTV do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, Giám đốc đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng và các chức danh khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó giám đốc đơn vị trực thuộc, Phó trưởng phòng và các chức danh quản lý khác theo</p>	<p>Khoản 3 Điều 25</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc công ty, Kế toán trưởng Công ty, Chủ tịch Công ty con TNHH MTV do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, Giám đốc đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng và các chức danh khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó giám đốc đơn vị trực thuộc, Phó trưởng phòng và các chức danh quản lý khác theo quy chế quản lý nội bộ của</p>	<p>Tán thành sửa đổi bổ sung</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).	Công ty; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).	
48	Khoản 3 Điều 25 d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty;	Khoản 3 Điều 25 d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định ban hành quy chế quản trị nội bộ Công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty;	Tán thành sửa đổi bổ sung
49	Khoản 3 Điều 25 l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;	Khoản 3 Điều 25 l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;	Tán thành sửa đổi bổ sung
50	Khoản 4 Điều 25. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn a) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại	Khoản 4 Điều 25 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn a) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	hội đồng cổ đông phê chuẩn. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	chuẩn. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	
51	Điều 26 Chưa có nội dung này	Bổ sung khoản 5 Điều 26 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Tán thành sửa đổi bổ sung
52	Khoản 4 Điều 27 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 15 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 27 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
53	<p>Khoản 8 Điều 27 b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp;</p>	<p>Khoản 8 Điều 27 b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
54	<p>Khoản 9, Điều 27 d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Khoản 9 Điều 27 d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
55	<p>Khoản 15 Điều 27 15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 113 Luật doanh nghiệp...</p>	<p>Khoản 15 Điều 27 15. Biên bản cuộc họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật doanh nghiệp ...</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
56	<p>Khoản 3 Điều 30 3. Tiêu chuẩn. Giám đốc điều hành phải có tiêu chuẩn theo Điều 57 Luật doanh nghiệp ...</p>	<p>Khoản 3 Điều 30 3. Tiêu chuẩn. Giám đốc điều hành phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật doanh nghiệp ...</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung
57	<p>Khoản 4 Điều 32 Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải</p>	<p>Khoản 4 Điều 32 Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của doanh</p>	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
	là Giám đốc tài chính của Công ty...	nghiệp không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty...	
58	<p>- Điều lệ cũ chưa quy định về việc ứng cử Ban kiểm soát</p> <p>2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát <i>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</i></p>	<p>Bổ sung thêm nội dung Ứng cử thành viên Ban Kiểm soát vào Khoản 5 Điều 32 Điều lệ hiện hành</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác, hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác;</p> <p>2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát <i>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</i></p>	<p style="text-align: center;">Tán thành sửa đổi bổ sung</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
59	Khoản 1 Điều 33 BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật DN và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:...	Khoản 1 Điều 33 Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:...	Tán thành sửa đổi bổ sung
60	Khoản 1 Điều 33 g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 1 Điều 33 g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp	Tán thành sửa đổi bổ sung
61	Khoản 1 Điều 33 Chưa quy định nội dung này	Khoản 1 Điều 33 p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Tán thành sửa đổi bổ sung
62	Điều 36 - Chưa quy định nội dung này	Điều 36 5. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Tán thành sửa đổi bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Kết quả biểu quyết tại đại hội
63	Điều 48 Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật Doanh nghiệp	Điều 48 Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật Doanh nghiệp	Tán thành sửa đổi bổ sung
64	Chương XI Chấm dứt hoạt động và thanh lý	Chương XI Giải thể Công ty	Tán thành sửa đổi bổ sung
65	Điều 51. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định	Điều 51. Giải thể Công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	Tán thành sửa đổi bổ sung
66	Điều 55. Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico nhất trí thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2014 và được Đại hội đồng thường niên năm 2018 nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Công ty, tổ 6, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 55. Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico nhất trí thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2014 và được Đại hội đồng thường niên năm 2021 nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngày tháng năm 2021 tại Trụ sở Công ty, tổ 6, phường Phú Xá thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Tán thành sửa đổi bổ sung

